

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng sửa đổi, bổ sung lần thứ tư được ban hành kèm theo Quyết định số 856/QĐ-GTCB ngày 21/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty CP Gang thép Cao Bằng;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng ngày 24 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD, ĐTXD năm 2023 và Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2024 của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng, với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD, ĐTXD chủ yếu năm 2023:

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	So sánh (%)
1	Doanh thu	Tr.đồng	3.413.360	2.617.636	76,6
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	47.771	1.388	2,9
3	Nộp ngân sách	Tr.đồng	91.058	38.981	42,8
4	Tổng quỹ tiền lương	Tr.đồng	112.801	93.568	82,9
5	Tiền lương bình quân	Trđ/ng/thg	11,75	10,13	86,2
6	Phôi thép sản xuất	Tấn	220.000	206.552	93,8
7	Phôi thép tiêu thụ	Tấn	230.000	193.058	83,9
8	Giá trị Đầu tư xây dựng	Tr.đồng	24.600	13.765	55,9

2. Chỉ tiêu Kế hoạch SXKD, ĐTXD chủ yếu năm 2024:

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	So sánh (%)
1	Doanh thu	Tr.đồng	2.617.636	3.056.958	117
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	1.388	5.012	361
3	Nộp ngân sách	Tr.đồng	35.666	69.546	195
4	Tổng quỹ tiền lương	Tr.đồng	93.568	100.441	107
5	Tiền lương bình quân	Trđ/ng/thg	10,13	10,46	103
6	Phôi thép sản xuất	Tấn	206.552	205.000	99
7	Phôi thép tiêu thụ	Tấn	193.058	220.000	114
8	Giá trị Đầu tư xây dựng	Tr.đồng	13.765	8.273	60
9	Triển khai khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa	Tr.đồng		207.927	

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch, căn cứ vào tình hình thực tế, biến động giá cả của thị trường chủ động điều chỉnh kế hoạch phù hợp nhằm đảm bảo được mục tiêu kế hoạch lợi nhuận, duy trì sản xuất ổn định, bảo toàn và phát triển vốn.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2024.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.

Điều 4. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban kiểm soát làm đầu mối phối hợp với Công ty lựa chọn một trong số các đơn vị kiểm toán sau để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Điều 5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

Điều 6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024. (Có bảng phân phối lợi nhuận kèm theo)

- Lợi nhuận sau thuế năm 2023: 1,388 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2023: 8,597 tỷ đồng
- Lợi nhuận phân phối kỳ này: 1,388 tỷ đồng
 - + Trích quỹ khen thưởng: 0,388 tỷ đồng
 - + Trích quỹ phúc lợi: 1,0 tỷ đồng

Theo kế hoạch trình thông qua, dự kiến lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Công ty là 5,012 tỷ đồng. Năm 2024 Công ty không chia cổ tức, chỉ trích lập một phần lợi nhuận sau thuế các quỹ, phần còn lại toàn bộ lợi nhuận dùng để thực hiện duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh khu Bắc mỏ sắt Nà Rạ.

Điều 7. Thông qua việc thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS Công ty năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

6.1. Thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2023:

Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Trưởng BKS, TV Ban KS không chuyên trách chi trả bằng 20% mức tiền lương thực hiện của người quản lý Công ty chuyên trách:

TT	Chức danh	Mức tiền lương xác định thù lao thực hiện đồng/ng/tháng	Tỷ lệ	Số người	Tiền thù lao (đ/người/th)	Tiền thù lao (đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	20%	01	7.200.000	86.400.000
2	Thành viên HĐQT	30.000.000	20%	04	6.000.000	288.000.000
3	Trưởng BKS	30.000.000	20%	01	6.000.000	72.000.000
4	Thành viên BKS	28.000.000	20%	02	5.600.000	134.400.000
	Cộng			08		580.800.000

6.2. Kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2024:

Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Trưởng BKS, TV Ban KS không chuyên trách tạm tính bằng 20% mức tiền lương kế hoạch của người quản lý Công ty chuyên trách:

TT	Chức danh	Mức tiền lương xác định thù lao kế hoạch đồng/ng/tháng	Tỷ lệ	Số người	Tiền thù lao (đ/người/th)	Tiền thù lao (đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	20%	01	7.200.000	86.400.000
2	Thành viên HĐQT	30.000.000	20%	04	6.000.000	288.000.000
3	Trưởng BKS	30.000.000	20%	01	6.000.000	72.000.000
4	Thành viên BKS	28.000.000	20%	02	5.600.000	134.400.000
	Cộng			08		580.800.000

Mức thù lao trên chỉ là dự kiến, mức thực tế chi trả cho HĐQT và BKS sẽ được xác định dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

Điều 8. Thông qua chủ trương mua/bán phôi thép năm 2024-2025 với Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty: (i) Phê duyệt hợp đồng mẫu; (ii) Phê duyệt quy trình thực hiện, kế hoạch và phương thức tiêu thụ sản phẩm để làm cơ sở ký kết Hợp đồng kinh tế mua bán phôi thép năm 2024-2025 với Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty, quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Điều 9. Thông qua chủ trương mua/bán than cốc năm 2024-2025 với Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty: (i) Phê duyệt hợp đồng mẫu; (ii) Phê duyệt Quy trình thực hiện, kế hoạch và phương thức mua sắm cụ thể để làm cơ sở ký kết Hợp đồng kinh tế mua bán than cốc năm 2024-2025 với Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty, quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Điều 10. Thông qua miễn nhiệm thành viên HĐQT Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 đối với Ông Bùi Tiến Hải.

Điều 11. Kết quả bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.

Theo kết quả kiểm phiếu bầu cử, Ông Ngô Quốc Trung – Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP – Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP tại Công ty trúng cử thành viên HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng nhiệm kỳ 2022-2027.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể Cổ đông Công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty (website);
- UBCKNN, HNX (b/c);
- HĐQT, BKS;
- BDH;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Bùi Tiến Hải

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, VỐN CHỦ SỞ HỮU ĐẾN 31/12/2023
(Kèm theo Nghị quyết số: 682/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024)

Số TT	Nội dung	Tỷ lệ (%)	Số tiền dự kiến (Đồng)
I	Phân phối lợi nhuận		
1	Tổng Lợi nhuận trước thuế	x	1.791.335.805
2	Các khoản không được trừ khi tính thuế TNDN (nếu có)		5.113.549.222
3	Thu nhập chịu thuế TNDN	x	6.904.885.027
4	Tổng số thuế TNDN phải nộp		402.982.227
	- Trong đó:Thuế TNDN hiện hành		1.380.977.005
	- Thuế TNDN được miễn, giảm		977.994.778
	- Điều chỉnh thuế TNDN năm trước		
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.597.756.544
	Trong đó: a/ Lợi nhuận sau thuế năm 2023	x	1.388.353.578
	b/ LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	x	7.209.402.966
6	Thuế TNDN phải thu của Nhà nước		1.256.607.358
7	Trả cổ tức		-
	- Vốn điều lệ (430,063 tỷ trong đó: Vimico 52,53%, cổ đông khác 47,47%)	x	
	- Tỷ lệ chia cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Dự kiến phân chia cổ tức:		-
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để lại	x	5.952.795.608
9	Lợi nhuận dự kiến phân phối: 9=(5)-(6)-(8)	x	1.388.353.578
a	Trích thưởng Ban quản lý điều hành (theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ của HĐQT, BĐH)		
b	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (theo kết quả phân loại doanh nghiệp và quỹ lương BQ tháng)		1.388.353.578
	+ Trong đó quỹ khen thưởng		388.353.578
	+ Quỹ phúc lợi		1.000.000.000
II	Một số chỉ tiêu làm cơ sở tính toán:		
1	Số liệu trước khi phân phối lợi nhuận năm nay:		
	- Số dư quỹ bổ sung vốn điều lệ	x	
	- Số dư quỹ dự phòng tài chính	x	
	- Số dư quỹ đầu tư phát triển	x	
	- Quỹ lương bình quân 1 tháng của doanh nghiệp thực hiện trong năm báo cáo	x	
2	Một số chỉ tiêu đánh giá theo quyết định số 224/ 2006/QĐ-TTg và Thông tư 115/2007/TT-BTC		
2.1	Công ty tự xếp loại doanh nghiệp (A,B,C)	x	C
2.2	Công ty tự xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của HĐQT,BGD (hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ)	x	Hoàn thành Tốt nhiệm vụ
III	Vốn chủ sở hữu sau khi phân phối lợi nhuận năm nay (Đã bao gồm phần bổ sung từ phân phối lợi nhuận dự kiến năm nay):		
	Vốn chủ sở hữu đến ngày 31/12/ năm báo cáo:		
	- Vốn điều lệ	x	430.063.660.000
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	x	5.952.795.608
	- Quỹ đầu tư phát triển	x	-
	- Quỹ dự phòng Tài chính	x	-